

Bản án số: 27/2018/DS-ST

Ngày: 26/01/2018

V/v “*Tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Hùng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Hiệp ;
2. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Nguyễn Hạnh Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Th phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Th phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa :*** Bà Nguyễn Thị Diệu Thùy – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 26 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Th phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2017/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2017 về việc “*Tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 530/2017/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 330/QĐST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2017 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 16/2017/QĐST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Phạm Kim S, sinh năm: 1960;

Cư trú: Số 85/123/11, Bùi Minh Tr, Phường E, Quận H, Th phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trúc Ph, sinh năm: 1979; cư trú: Số 116 Phạm Thế H, Phường E, Quận H, Th phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 10/3/2014);

Có mặt tại phiên tòa.

- ***Bị đơn:***

1. Ông Nguyễn Tuấn Kh, sinh năm: 1973;
 2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1954 (chết năm 2014);
- Cùng cư trú: Số 5 Lý Chiêu H, Phường J, Quận F, Th phố Hồ Chí Minh;
Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H:

1. Ông Nguyễn Tuấn Kh, sinh năm: 1973;
2. Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm; 1976;
3. Ông Nguyễn Vĩ Kh, sinh năm; 1974;

4. Ông Nguyễn Trọng D , sinh năm: 1978;

Cùng cư trú: Số 5 Lý Chiêu H, Phường J, Quận F, Th phố Hồ Chí Minh.

5. Ông Nguyễn Khánh D , sinh năm: 1980;

Thường trú: Số 5 Lý Chiêu H, Phường J, Quận F, Th phố Hồ Chí Minh;
tạm trú: Số 69 đường số 30, phường Bình Trị Đ B, quận BT, Th phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông Kh và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Kim S, người đại diện theo ủy quyền của bà S ông Nguyễn Trúc Ph trình bày:

Ngày 31/8/2013, bà S cho ông Nguyễn Tuấn Kh và bà Nguyễn Thị H vay số tiền 360.000.000 (ba trăm sáu mươi triệu đồng) không tính lãi suất, thời hạn trả lại tiền vốn là ngày 08/11/2013, các bên có lập giấy mượn tiền, ngoài ra đề cho bà S tin tưởng thì bà H, ông Kh đã giao bản di chúc của bà H cho bà S giữ. Khi đến hạn bà S nhiều lần liên hệ đòi nợ nhưng ông Kh, bà H vẫn không có thiện chí trả nợ. Ngoài ra, chồng của bà H là ông Nguyễn Thới Th đã ly hôn từ trước năm 2010 nên khoản nợ này không liên quan đến ông Th. Trước khi bà H chết thì bà H có lập di chúc ngày 27/12/2012 tại Văn phòng công chứng Quận 10 để định đoạt tài sản của mình cho ông Kh nên ông Kh, phải là người có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ theo quy định của pháp luật.

Để chứng minh cho yêu cầu của bà S, ông Ph cung cấp cho Tòa án chứng cứ là một bản viết tay giấy mượn tiền do ông Kh, bà H cùng ký tên, một bản di chúc có công chứng chứng thực số 725 quyền số 01/TP/CC/DC ngày 27/12/2012 lập tại Văn phòng Công chứng Quận 10, Th phố hồ Chí Minh. Trong nội dung di chúc cũng nêu rõ là ông Nguyễn Tuấn Kh sẽ thừa hưởng di sản thừa kế do bà Nguyễn Thị H để lại, trong trường hợp ông Kh qua đời trước bà H thì các con của ông Kh là Nguyễn Hương Hồng Ánh, Nguyễn Thới Tuấn Kh sẽ được thừa hưởng các tài sản do bà H để lại nêu trên. Ngoài ông Kh, bà Ánh, ông Tuấn Kh thì bà H không để lại di sản thừa kế cho bất kỳ người nào khác. Vì vậy, bà S yêu cầu Tòa án không đưa những người con khác của bà H là Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Vĩ Kh, Nguyễn Trọng D , Nguyễn Khánh D vào tham gia tố tụng trong vụ án này.

Bà S yêu cầu ông Nguyễn Tuấn Kh thanh toán lại cho bà S số tiền nợ vốn 360.000.000đồng, thanh toán dứt điểm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Kim S ông Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu loại trừ trách nhiệm của bà V, ông Vĩ Kh, ông Trọng D và ông Khánh D , buộc trách nhiệm ông Tuấn Kh có nghĩa vụ trả lại cho bà S số tiền 360.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

- Đối với bị đơn ông Nguyễn Tuấn Kh và bà Nguyễn Thị H:

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1954 chết ngày 13/7/2014 (theo Giấy báo tử số 77 quyền số 01/2014 ngày 06/8/2014 của Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 6, Th phố Hồ Chí Minh).

Vào ngày 25/6/2014 ông Kh đã nộp bản tự khai tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân kèm trong hồ sơ vụ án. Tuy nhiên, trong nội dung tự khai ông Kh chỉ khai về nơi thường trú của ông và bà H mà không khai nội dung liên quan đến khoản nợ do bà S yêu cầu. Sau đó Tòa án đã triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Kh vẫn cố tình vắng mặt không đến trụ sở tòa án nên không thể lấy lời khai được đối với ông Kh về nội dung vay tiền theo trình bày của bà S và ông Ph.

- *Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng : Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị H chết nên đưa những người gồm V, Tuấn Kh, Vĩ Kh, Trọng D , Khánh D vào tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H là phù hợp pháp luật.

Trong quá trình tố tụng ông Tuấn Kh bà V, ông Vĩ Khh, ông Khánh D , ông Trọng D đều vắng mặt không có lý do chính đáng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với họ theo thủ tục chung.

Về nội dung : Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà S buộc ông Kh trả lại cho bà S số tiền là 180.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Bà Phạm Kim S khởi kiện đối với ông Nguyễn Tuấn Kh và bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án nhân dân quận Bình Tân thụ lý giải quyết về quan hệ pháp luật « *Tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản* », là phù hợp quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại Quyết định chuyển vụ án số 818/2016/QĐST-DS ngày 19/12/2016 của Tòa án nhân dân Quận Bình Tân và kết quả xác minh của Công an Phường 10, Quận 6 ngày 10/7/2017 thể hiện ; « *Tại sổ hộ khẩu số 050030219 số nhà (số cũ là 129) số mới 3- 5 Lý Chiêu H, Phường J, Quận F, Th phố Hồ Chí Minh, có năm người thường trú gồm : Nguyễn Tuấn Kh, sinh năm : 1973, Nguyễn Vĩ Kh, sinh năm : 1974, Nguyễn Thị Thu V, sinh năm : 1976, Nguyễn Khánh D , sinh năm ; 1980, Nguyễn Trọng D , sinh năm ; 1978* », Hội đồng xét xử xác định ông Nguyễn Tuấn Kh và bà Nguyễn Thị H cùng cư trú tại Phường J, Quận F là thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bà Nguyễn Thị H: Tại Công văn số 410/UBND ngày 13/7/2015; Giấy chứng tử số 77, quyền số 01/2014 ngày 06/8/2014 của Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 6, Th phố Hồ Chí Minh và Quyết định chấp nhận việc kháng cáo số 04/QĐ-LH ngày 29/5/1993 của Tòa án nhân dân Th phố Hồ Chí Minh đã có cơ sở xác định bà H đã ly hôn với chồng là ông Nguyễn Thới Th và chết vào ngày 13/7/2014. Trên cơ sở kết quả xác minh của Công án Phường 10, Quận 6 Tòa án đưa bà V, ông Tuấn Kh, ông Vĩ Kh, ông Trọng D , ông Khánh D vào tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H là phù hợp theo quy định tại Điều 74 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Tuấn Kh vào ngày 25/6/2014 ông Kh có mặt tại trụ sở Tòa án quận Bình Tân để tự khai. Đối với những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H gồm bà V, ông Vĩ Kh, ông Trọng D , ông Khánh D Tòa án đã triệu tập để tự khai nhưng họ đều vắng mặt nên không lấy được lời khai. Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng gồm Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự, ông Tuấn Kh, ông Vĩ Kh, ông Trọng D , ông Khánh D , bà V nhưng họ vẫn vắng mặt. Tại phiên tòa tuy đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và quyết định tạm ngừng phiên tòa nhưng những người nêu trên đều vắng mặt không có lý do chính đáng ; chứng tỏ họ đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với họ là phù hợp theo quy định tại các Điều 227, 233 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Xét yêu cầu của đương sự:

Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa, bà S yêu cầu Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Tuấn Khanh có nghĩa vụ trả lại số tiền vay 360.000.000đồng không yêu cầu tính lãi suất.

Để chứng minh cho quyền và lợi hợp pháp của mình, bà S và người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Trúc Ph đã giao nộp Giấy mượn tiền đề ngày 31/8/2013 (bản photo có đối chiếu bản chính), bản Di chúc lập ngày 27/12/2012 có công chứng, chứng thực hợp pháp về việc bà H định đoạt lại tài sản cho ông Nguyễn Tuấn Kh.

Trong quá trình giải quyết vụ án vào ngày 25/6/2014 ông Kh đến tại Tòa án quận Bình Tân để tự khai, tuy nhiên nội dung tự khai của ông Kh chỉ thể hiện về nơi cư trú mà không khai về nội dung vay tiền theo yêu cầu của bà S. Đối với những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H gồm ông Vĩ Kh, ông Trọng D , ông Khánh D , bà V Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lấy được lời khai nên không xác định được ý kiến cụ thể.

Xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Kh đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân quận Bình Tân và đã nộp bản tự khai tại trụ sở Tòa án ghi ngày 25/6/2014. Tuy bản tự khai không trình bày về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà S, nhưng xét về ý thức chủ quan thì ông Kh đã nhận và

biết được việc bà S khởi kiện và yêu cầu ông và bà H trả lại cho bà S số tiền vay là 360.000.000đồng.

Tại khoản 1 Điều 6 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định « *Đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp* », tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự khoản 2 quy định « *Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó* » và khoản 4 quy định : « *Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc* ».

Đối chiếu với quy định của pháp luật như đã viện dẫn trên, sau khi xem xét, đánh giá chứng cứ và lời trình bày, yêu cầu của ông Ph người đại diện theo ủy quyền của bà S tại phiên tòa đã có cơ sở xác định; Ông Nguyễn Tuấn Kh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và tự khai nộp tại Tòa án nhân dân quận Bình Tân, chứng tỏ ông Kh đã biết yêu cầu khởi kiện của bà S đối với ông và bà H về số tiền vay 360.000.000đồng. Bà S và ông Ph giao nộp cho Tòa án là Biên nhận mượn tiền lập ngày 31/8/2013 đã được kiểm tra đối chiếu bản chính là cơ sở chứng minh giữa bà S và ông Kh, bà H có giao dịch dân sự ký kết hợp đồng vay tiền. Tuy bà H đã chết nhưng ông Kh đã biết việc bà S khởi kiện tại Tòa án đối với ông để đòi lại số tiền nêu trên nhưng ông không có ý kiến phản đối là từ bỏ nghĩa vụ chứng minh và phải chịu hậu quả pháp lý nên Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định ông Kh và bà H có vay tiền của bà S hiện còn nợ 360.000.000đồng.

Về trách nhiệm của bà H và ông Kh theo yêu cầu của bà S:

Trong bản tự khai đề ngày 28/4/2017 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Ph cho rằng; « *Theo biên nhận nợ thì bà H và ông Kh cùng ký mượn tiền và do trong giấy mượn tiền không thể hiện tỷ lệ nợ của bà H ông Kh nên đây là khoản nợ chung của hai người, mỗi người phải có trách nhiệm trả 50% tổng số nợ..* » ; tại phiên tòa ông Ph cũng thừa nhận nội dung tự khai nay không có ý kiến thay đổi. Hội đồng xét xử xét thấy đã có cơ sở xác định trong số tiền 360.000.000đồng mà bà S yêu cầu, trong đó trách nhiệm của bà H là 180.000.000đồng, trách nhiệm của ông Kh 180.000.000đồng. Tại phiên tòa , ông Ph cho rằng; hiện nay bà H đã chết nhưng khi ký kết hợp đồng thì trước đó bà đã di chúc định đoạt tài sản lại cho ông Kh trọn quyền sở hữu; theo quy định tại Điều 637 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì ông Kh hưởng quyền về tài sản thì phải thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại nên ông Kh phải trả cho bà S toàn bộ số tiền vay là 360.000.000đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc ông Ph đưa ra bản di chúc đã được công chứng chứng thực tại Văn phòng công chứng Quận 10 để chứng minh buộc ông Kh chịu trách nhiệm trả nợ thay cho bà H theo quy định tại Điều 637 của Bộ luật dân sự năm 2005 là không có cơ sở để chấp nhận, bởi lẽ; bản di chúc là chứng cứ để chứng minh trong các vụ án có tranh chấp về thừa kế tài sản, còn quy định tại Điều 637 của Bộ luật dân sự là trong trường hợp Tòa án có thẩm quyền đang giải quyết vụ án về thừa kế tài sản mà người để lại tài sản theo pháp luật hoặc

theo di chúc phải có nghĩa vụ trả nợ cho người khác thì người nào hưởng quyền về tài sản phải thực hiện nghĩa vụ trả thay nếu có yêu cầu. Trong vụ án này các đương sự tranh chấp về hợp đồng vay tài sản do vậy bản di chúc không có giá trị để chứng minh buộc ông Kh phải trả nợ thay cho bà H được. Mặt khác, tại Công văn số 29/VPĐK-CNQ6 ngày 18/01/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận 6 thể hiện những tài sản mà bà H định đoạt lại cho ông Kh trong bản di chúc hiện đang thế chấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam và theo Quyết định 454/QĐ-CCTHADS ngày 20/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 6 đề nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận 6 tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản do bà H đứng tên quyền sở hữu. Tại phiên tòa, ông Ph cũng thừa nhận bà H có thể chấp tài sản thể hiện trong di chúc đề vay 18.000.000.000đồng nhưng không chứng minh được tài sản đã xử lý hay chưa và khoản tiền còn lại về tài sản sau khi xử lý khoản vay của Ngân hàng là bao nhiêu. Bởi các lẽ trên, sau khi xem xét, đánh giá chứng cứ Hội đồng xét xử xác định tài sản mà bà H định đoạt lại cho ông Kh đang trong tình trạng tranh chấp và đang bị cơ quan thi hành án dân sự Quận 6 giải quyết để thu hồi nợ cho Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam ; do vậy, yêu cầu của ông Ph và bà S về việc buộc ông Kh trả nợ thay cho bà H theo di chúc là không có căn cứ pháp luật nên không chấp nhận. Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của bà S buộc ông Kh phải có nghĩa vụ trả lại cho bà S số tiền là 180.000.000đồng; số tiền còn lại 180.000.000đồng thuộc trách nhiệm của bà H, nếu bà S có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Xét yêu cầu về lãi suất :

Tại đơn khởi kiện bà S không yêu cầu tính lãi suất. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà S ông Ph cũng không yêu cầu tính lãi đối với ông Kh nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Xét quyền lợi, nghĩa vụ đối với những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H thấy:

Tại thời điểm thụ lý vụ án theo Giấy báo tử số 77 quyền số 01/2014 ngày 06/8/2014 thì bà H chết ngày 13/7/2014 nên Tòa án đưa những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H gồm ông Nguyễn Tuấn Kh, bà Nguyễn Thị Thu V, ông Nguyễn Vĩ Kh, ông Nguyễn Khánh D và Nguyễn Trọng D vào tham gia tố tụng. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà S và người đại diện theo ủy quyền ông Ph đã yêu cầu không đưa ông Vĩ Kh, ông Khánh D, ông Trọng D và bà V vào tham gia tố tụng và cũng không yêu cầu buộc trách nhiệm của họ bởi vì họ là những người không hưởng quyền lợi về tài sản do bà H chết để lại. Trên cơ sở yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở loại trừ trách nhiệm dân sự đối với những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H gồm: ông Nguyễn Tuấn Kh, bà Nguyễn Thị Thu V, ông Nguyễn Vĩ Kh, ông Nguyễn Khánh D và ông Nguyễn Trọng D .

Xét trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền:

Theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Khoản lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Tại phiên tòa ông Ph có yêu cầu về tính lãi trong giai đoạn thi hành án, đối chiếu với quy định của điều luật. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà S là phù hợp nên chấp nhận và buộc ông Kh phải có nghĩa vụ trả lãi tiếp theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc 180.000.000đồng.

- **Án phí:**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 và Pháp lệnh số 10/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ban hành kèm theo danh mục về án phí, lệ phí Tòa án, thì ông Nguyễn Tuấn Kh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cụ thể như sau:

180.000.000đồng x 5% = 9.000.000đồng.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà S theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng pháp luật:

Căn cứ vào các Điều 6, 26, 35, 39, 91, 147, 227, 233, 235, 264, 266, 267, 273, 280 và 483 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 và Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ban hành kèm theo danh mục về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Kim S;

Buộc ông Nguyễn Tuấn Kh phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Phạm Kim S tổng số tiền là 180.000.000đồng (một trăm tám mươi triệu đồng) và trả dứt điểm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Số tiền còn lại 180.000.000đồng thuộc trách nhiệm của bà H, trong trường hợp bà S có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

2. **Án phí:**

Ông Nguyễn Tuấn Kh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 9.000.000đồng (chín triệu đồng).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Phạm Kim S 9.000.000đồng, theo biên lai thu số 03840 ngày 22/01/2014 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Th phố Hồ Chí Minh.

3. Nghĩa vụ thi hành án:

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về hướng dẫn thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 và 26 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Bà Phạm Kim S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các ông(bà) gồm: Nguyễn Tuấn Kh, Nguyễn Vĩ Kh, Nguyễn Khánh D , Nguyễn Trọng D và Nguyễn Thị Thu V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 6;
- Chi cục THADS Quận 6;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Văn Hùng

